

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 - 9 - 2019.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng;

Bà Nguyễn Việt Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2019 và tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức đám cưới nên chị với anh Phạm Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng hạnh phúc và có 02 đứa con chung. Thời gian gần đây vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong lối sống và trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không quan tâm và sự thông cảm chia sẻ dẫn tới vợ chồng xảy ra cự cãi, giận dỗi, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn mặc dù hai bên cha mẹ có hòa giải nhưng không thể giải quyết mâu thuẫn. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: có 02 người con chung tên Phạm Trọng N, sinh ngày 07/01/2000; Phạm Bảo Nh, sinh ngày 06/10/2013, hiện chị đang nuôi con. Đối với Phạm Trọng N đã trên 18 tuổi, hiện làm thuê, chị không yêu cầu. Chị yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Bảo Nh và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Ông Phạm Văn C đã nhận thông báo thụ lý, Thông báo về việc tiếp cận kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T, không tham gia hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị T và anh C được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh C là bị đơn nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh C. Xét thấy, dù đủ điều kiện kết hôn nhưng chị T và anh C chung sống mà không đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, chị T yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị T với anh C là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 người con chung tên Phạm Trọng N, sinh ngày 07/01/2000 và Phạm Bảo Nh, sinh ngày 06/10/2013, chị T xác định con chung hiện do chị nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con sau ly hôn. Xét thấy, con chung tên Phạm Trọng N, sinh năm: 2000 đã đủ 18 tuổi, chị T xác định Nguyễn có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét. Đối với Phạm Bảo Nh chưa đủ 7 tuổi, anh C không có ý đối với yêu cầu của chị T về con chung, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con, giao con chung tên Phạm Bảo Nh, sinh năm: 2000 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; **điểm a khoản 5 Điều 27** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung tên Phạm Trọng N, sinh năm: 2000 đã đủ 18 tuổi, chị T xác định Nguyễn có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét. Giao con chung tên Phạm Bảo Nh, sinh ngày 06/10/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004260 ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

- Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng